

Số: 1247/2019/QĐST-HNGĐ

T, ngày 26 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1138/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Hoàng Thị Kim T1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 109 Lô T chung cư N, Phường H, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Hữu H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 23 đường T, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 142, quyển số I do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2004 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Kim T1 và ông Lê Hữu H là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 và ông H cùng trình bày ông bà tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới vào năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau mọi mặt trong cuộc sống, đã ly thân được 05 năm. Nay ông bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Tòa án xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà T1 và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn khiến hai bên không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà T1 và ông H là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Bảo H1, sinh ngày 12/01/2009. Hai bên thỏa thuận: bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H cấp dưỡng nuôi con chung 20.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ Hà thành niên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

[5] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa công nhận

[6] Về lệ phí Tòa án: Bà Hoàng Thị Kim T1 và ông Lê Hữu H cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Kim T1 và ông Lê Hữu H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Hoàng Thị Kim T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Lê Bảo H1, sinh ngày 12/01/2009. Ông Lê Hữu H cấp dưỡng nuôi con chung 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng/tháng. Thực hiện cấp dưỡng từ ngày 02/01/2020 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Hoàng Thị Kim T1 đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Hữu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Hoàng Thị Kim T1 và ông Lê Hữu H cùng chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039487 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND Phường H, Quận M, TP. HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN